

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Phùng Thị L**, sinh năm 1989;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành L1**, sinh năm 1985;

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

- Người làm chứng: **Bà Phạm Thị H**, sinh năm 1963 (mẹ đẻ anh L1)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, bà H có mặt, anh L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là *chị Phùng Thị L* trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành L1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thành (nay là xã Thuần Thành), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ năm 2012, anh L1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị L ở nhà một mình vừa nuôi con vừa gánh vác kinh tế gia đình, anh L1 không gửi tiền về, không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và sống ly thân trong thời gian dài, độc lập về kinh tế, tình cảm lạnh nhạt dần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L1 để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh L1 không cung cấp cho chị địa chỉ ở Đài Loan, nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh L1 hiện nay ở đâu.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Thành L1 có một con chung là Nguyễn H.A - sinh ngày 30/12/2010. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ lại là con gái, anh L1 không có mặt tại Việt Nam. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Nguyễn Thành L1, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa - mẹ đẻ anh L1 là bà Phạm Thị H trình bày: Anh L1, chị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thành (nay là xã Thuần Thành), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình từ năm 2010. Sau khi kết hôn, anh L1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2012 đến năm 2015 về nước, sau đó, anh L1 tiếp tục làm việc tại đây đến nay chưa về. Chị L khai là anh L1 không có trách nhiệm với vợ con là không đúng sự thật vì anh L1 vẫn gửi tiền về cho bà giữ để nuôi con chung, chị L tự đi làm và có lương nên anh L1 không phải nuôi chị L. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, đã giao các văn bản của Tòa án cho gia đình bà và gia đình bà đã thông báo ngay lại cho anh L1. Anh L1 có nói với bà là anh L1 đồng ý ly hôn chị L. Anh L1 đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn H.A - sinh ngày 30/12/2010 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh

L1 ở Đài Loan nên không cung cấp cho Tòa án nhưng anh L1 thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà cam đoan sẽ thông báo các nội dung văn bản của Tòa án cho anh L1. Anh L1 biết việc chị L có yêu cầu nhận nuôi con và anh cũng có nguyện vọng nhận nuôi con, tuy nhiên vì dịch bệnh Covid -19 nên anh L1 không thể thực hiện được nguyện vọng nhận nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

Tại các biên bản xác minh, đại diện UBND xã Thuận Thành cung cấp như sau: Anh L1, chị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thuận (nay nhập xã đổi thành xã Thuận Thành), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì, anh L1 đi nước ngoài trong thời gian dài, hiện chưa về nước, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Chị L, anh L1 không nợ nghĩa vụ tài chính nào ở địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thành L1, giao con chung Nguyễn H.A, sinh ngày 30/12/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Nguyễn Thành L1 đang cư trú tại Đài Loan, anh L1 vẫn liên lạc về gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên bà Phạm Thị H – mẹ đẻ anh L1 không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh L1 để xác minh địa chỉ của anh L1, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho bà H, yêu cầu bà thông báo cho anh L1 các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh L1 vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L1 không có mặt tại phiên tòa nên

Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh L1 theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L, anh L1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thuận (nay là xã Thuận Thành) vào năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng mỗi người ở một nơi dẫn đến bất đồng trong quan điểm sống. Anh L1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2012 đến nay chưa về nước, chị L đã ở riêng độc lập về kinh tế, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Bà H – mẹ đẻ anh L1 trình bày, anh L1 đã biết việc chị L xin ly hôn và anh đồng ý ly hôn, anh L1 không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị L. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L, anh L1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị L được ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L, anh L1 có một con chung là Nguyễn H.A - sinh ngày 30/12/2010. Bà H trình bày anh L1 có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con. Xét thấy, anh L1 không có mặt tại Việt Nam, không có văn bản ủy quyền cho bà H, chị L hiện đang sinh sống tại tỉnh Thái Bình, chị đi làm đủ điều kiện chăm sóc cho con. Do đó cần xử giao con chung Nguyễn H.A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Thành L1 có quyền thăm nom con chung. Anh L1, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L1 vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thành L1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn H.A - sinh ngày 30/12/2010 cho chị Phùng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Nguyễn Thành L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành L1 có quyền thăm nom con chung. Anh L1, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005083 ngày 01/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- UBND xã Thuần Thành, H.Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng